GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM THEO HƯỚNG TIẾP CẬN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0: TRƯỜNG HỢP NGÀNH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Lê Yến Chi¹, Nguyễn Diệp Phương Nghi², Lê Thị Nhã Trúc³

EDUCATING SOFT SKILLS IN INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0: THE CASE OF OFFICE ADMINISTRATION, TRA VINH UNIVERSITY

Le Yen Chi¹, Nguyen Diep Phuong Nghi², Le Thi Nha Truc³

Tóm tắt – Giáo dục theo hướng phát triển năng lực kỹ năng mềm cho sinh viên là vấn đề cần được quan tâm tại các cơ sở đào tạo. Đặc biệt, cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra nhiều thách thức cho hoạt động giáo dục. Kết quả nghiên cứu thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Quản trị Văn phòng cho thấy đa phần sinh viên hài lòng về các kỹ năng được trang bị với tỷ lệ 74,7%, trong đó, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột được sinh viên đánh giá cao về sự cần thiết. Tuy nhiên, năng lực thực tế của sinh viên chỉ đạt trên mức trung bình. Do vậy, nhà trường cần quan tâm hơn nữa đối với công tác đào tạo kỹ năng mềm, đổi mới trong phương pháp đào tạo theo hướng tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tạo ra đội ngũ lao động có chất lượng, có trí tuệ và năng lực kỹ năng mềm sẽ là nhiệm vụ hàng đầu đối với các cơ sở đào tạo hiện nay.

Từ khóa: cách mạng công nghiệp 4.0, kỹ năng mềm, Trường Đại học Trà Vinh.

Abstract – Education in the direction of developing soft skills competencies for students is an issue that needs to be addressed at the training

institutions. In particular, in the era of Industrial Revolution 4.0, it is creating many challenges for educational activities. The results from the study of soft skills situation on Office Administration students indicate that most students are satisfied with the skills equipped with the rate of 74.7%, in which, communication skills, teamwork skills, presentation skills, decision making and problem-solving skills, negotiation and conflict resolution skills are highly appreciated by students for their need. However, the actual capacity of students is only above average. Therefore, the School needs to pay more attention to the training of soft skills, innovating the training method towards approaching the Industrial Revolution 4.0 to create a quality, intellectual and soft skills capacity workforce will be the top task for current training institutions.

Keywords: Industrial Revolution 4.0, soft skills, Tra Vinh University

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, kỹ năng mềm (KNM) không còn là thuật ngữ quá xa lạ đối với môi trường học tập bậc đại học. KNM trở thành một trong những điều kiện bắt buộc trong quy định chuẩn đầu ra đối với các ngành học hiện nay ở nước ta. Song song đó, trước thách thức của thời đại và những đòi hỏi mới của công cuộc hội nhập, KNM đã trở thành hành trang cực kỳ quan trọng. Để tồn tại, phát triển, quản lý, làm chủ công việc, cuộc sống

^{1,2,3}Khoa Quản lý Nhà nước, Quản trị Văn phòng và Du lịch, Trường Đại học Trà Vinh
Email: yench@tvu.edu.vn

^{1,2,3}School of Public Management, Office Administration and Tourism, Tra Vinh University

hiện đại với môi trường làm việc ngày càng năng động, nhiều sức ép và tính cạnh tranh, kỹ năng “mềm” là một yếu tố không thể thiếu [1]. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với các chương trình đào tạo chính khóa hiện nay tại các Viện, Trường (gọi chung là các cơ sở đào tạo) phải tiến hành đổi mới về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo nhằm phát triển năng lực người học một cách toàn diện trên cả ba khía cạnh: kiến thức, kỹ năng và thái độ. Trong đó, nhiệm vụ phát triển các KNM cho sinh viên theo từng ngành nghề và vị trí việc làm được xem là nhiệm vụ hàng đầu. Nhận thấy được tầm quan trọng của KNM, Trường Đại học Trà Vinh đã đẩy mạnh lồng ghép giảng dạy KNM vào chương trình học, lấy KNM làm chuẩn đầu ra cho sinh viên và qui định KNM là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo từ niên khóa 2012 [2]. Tuy nhiên cho đến nay, các công trình nghiên cứu về lĩnh vực này vẫn còn hạn hẹp, chưa có nhiều nghiên cứu thực tế về thực trạng KNM của sinh viên tại Trường Đại học Trà Vinh. Vì vậy, để góp phần nhìn nhận và đánh giá thực trạng KNM, tìm hiểu nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng trang bị KNM của sinh viên; đồng thời, đề xuất các giải pháp góp phần phát triển KNM cho sinh viên Quản trị Văn phòng nói riêng cũng như sinh viên Trường Đại học Trà Vinh nói chung theo hướng tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là việc làm cần thiết hiện nay.

II. MỘT SỐ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

A. Kỹ năng mềm

Việc xác lập định nghĩa về KNM là một việc làm hết sức khó khăn, KNM không phải là yếu tố bẩm sinh của con người mà được hình thành bằng con đường trải nghiệm thực tế, đòi hỏi mỗi cá nhân phải có sự nỗ lực, tập luyện và phát triển một cách có định hướng, có phương pháp cụ thể. Có thể nói, đối tượng quan tâm đến KNM là sinh viên và những người lao động đang trong quá trình lập thân, lập nghiệp. Theo Lê Thị Hoài Lan [3], KNM là hệ thống các kỹ năng cơ bản được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hay tương tác với xã hội, cộng đồng, bạn bè, đồng nghiệp, đối tác, tổ chức của mỗi cá

nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc và thành đạt trong cuộc sống. Theo tác giả Michal Pollick: “KNM đề cập đến một con người có biểu hiện của EQ (Emotion Intelligence Quotion), đó là những đặc điểm về tính cách, khả năng giao tiếp, ngôn ngữ, thói quen cá nhân, sự thân thiện, sự lạc quan trong mối quan hệ với người khác và trong công việc” [4]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự cho rằng: “KNM là thuật ngữ dùng để chỉ các kỹ năng thuộc về trí tuệ cảm xúc như: một số nét tính cách (quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo và đổi mới), sự tế nhị, kỹ năng ứng xử, thói quen, sự lạc quan, chân thành, kỹ năng làm việc theo nhóm... Đây là những yếu tố ảnh hưởng đến sự xác lập mối quan hệ với người khác. Những kỹ năng này là thứ thường không được học trong nhà trường, không liên quan đến kiến thức chuyên môn, không thể sờ nắm, nhưng không phải là kỹ năng đặc biệt mà phụ thuộc chủ yếu vào cá tính của từng người. KNM quyết định bạn là ai, làm việc thế nào, là thước đo hiệu quả cao trong công việc” [5]. Trong bài viết này, chúng tôi chọn cách tiếp cận khái niệm KNM của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự vì định nghĩa này phù hợp với đối tượng nghiên cứu là sinh viên, định nghĩa dễ hiểu, dễ tiếp cận, định nghĩa cũng cho rằng KNM là những kỹ năng thuộc về tính cách con người (trí tuệ cảm xúc), không mang tính chuyên môn, quyết định bạn là ai, thể hiện cách sống, cách làm việc của mỗi cá nhân.

B. Cách mạng công nghiệp 4.0

Cách mạng công nghiệp 4.0 hay cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đề cập lần đầu trong bản Kế hoạch hành động Chiến lược công nghệ cao do chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức thông qua vào năm 2012. Nếu như cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần thứ hai diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần thứ ba sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học"

[6]. Thực tế ảo (Virtual reality-VR), internet của vạn vật (Internet of Things-IoT), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence-AI), Robotics đang thay đổi cách sống, làm việc và các mối quan hệ [7]. Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra các nhà máy thông minh mà ở đó các hệ thống vật lý không gian ảo sẽ giám sát các quá trình vật lý, tạo ra một bản sao ảo của thế giới vật lý. Với internet của vạn vật, các hệ thống vật lý không gian ảo này tương tác với nhau và với con người theo thời gian thực và thông qua internet của các dịch vụ thì người dùng sẽ được tham gia vào chuỗi giá trị thông qua việc sử dụng các dịch vụ này. Người máy sẽ dần thay thế con người trong nhiều công việc [8].

III. THỰC TRẠNG KNM CỦA SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG

Nghiên cứu được thực hiện vào năm 2017, dựa trên số lượng sinh viên được đào tạo chuyên ngành Quản trị Văn phòng gồm các lớp đào tạo từ năm 2014 đến năm 2017 (bậc đại học và bậc cao đẳng). Số lượng phiếu khảo sát đối với sinh viên là 146/160 phiếu (đạt 91,25%) và khảo sát đối với giảng viên tham gia giảng dạy chuyên ngành Quản trị Văn phòng với số phiếu 17/20 phiếu (đạt 85%). Kết quả nghiên cứu như sau:

A. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của KNM

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của KNM đối với công việc trong tương lai. Phần lớn sinh viên cho rằng KNM giúp dễ xin được việc làm, có cơ hội thăng tiến cao hơn trong công việc (tỷ lệ đánh giá trên 50%); KNM tạo điều kiện cho sinh viên có khả năng cạnh tranh cao hơn ở những vị trí việc làm có mức lương cao; đồng thời giúp tiết kiệm thời gian công sức trong quá trình xử lý, giải quyết công việc (tỷ lệ đánh giá trên 40%). Ngoài ra, một số ý kiến khác cho rằng KNM giúp sinh viên hoàn thiện bản thân tốt hơn so với những sinh viên thiếu KNM. Đây là một tín hiệu tốt và đáng mừng khi sinh viên có nhận thức tốt về tầm quan trọng của KNM, điều này sẽ giúp sinh viên quan tâm nhiều hơn đến việc lựa chọn các

kỹ năng phù hợp với nhu cầu bản thân cũng như chuyên môn đang theo học. Từ đó, sinh viên có ý thức tốt hơn trong việc lựa chọn cách thức rèn luyện và trang bị KNM cho bản thân.

B. Mức độ áp dụng KNM của sinh viên vào thực tế

Phần lớn sinh viên đã vận dụng KNM vào thực tế học tập, công việc và cuộc sống. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn ở mức khiêm tốn, hiệu quả mang lại chưa đạt được như mong đợi, với mức 76,5% do giảng viên đánh giá và 55,5% do sinh viên đánh giá. Điều này đã phản ánh một thực tế đáng báo động, mang tính thời sự và cần được quan tâm sâu sắc hơn đối với các cơ sở đào tạo hiện nay. Đa phần sinh viên chỉ được trang bị lý thuyết về KNM, chưa có nhiều cơ hội trau dồi, rèn luyện những kỹ năng đã học. Việc áp dụng lý thuyết suông sẽ là rào cản lớn trong quá trình hình thành kỹ năng, sinh viên trở nên thụ động và gặp nhiều khó khăn để có thể thuần thục một số KNM cần thiết và quan trọng. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, phần lớn sinh viên chỉ áp dụng có hiệu quả ở một số kỹ năng, còn một số kỹ năng khác vẫn chưa áp dụng tốt.

Mặc dù vậy, sinh viên vẫn cảm thấy hài lòng với những KNM mà bản thân có được, với tỷ lệ 74,7% và chưa hài lòng chiếm tỷ lệ 25,3%. Với kết quả hài lòng chiếm đa số chưa hẳn là điều đáng mừng khi so sánh với năng lực thực tế của sinh viên, ta thấy tiêu chí về sự hài lòng của sinh viên còn thấp, chưa có ý thức cầu tiến, mặc dù bản thân sinh viên nhận thức được sự cần thiết và vai trò quan trọng của KNM trong học tập, trong công việc và cuộc sống; tuy nhiên, phần lớn sinh viên chỉ trang bị KNM theo hình thức đối phó với lý do KNM là điều kiện bắt buộc để ra trường.

C. Thang điểm đánh giá của sinh viên và giảng viên đối với các KNM

Kết quả đánh giá cụ thể đối với từng kỹ năng phản ánh được năng lực thực tế của sinh viên. Rõ ràng, cả giảng viên và sinh viên đều đánh giá các kỹ năng chỉ đạt trên mức trung bình. Trong đó, nhóm kỹ năng được đánh giá cao hơn cả gồm

Hình 1: Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của KNM
(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2017)

Hình 2: Khả năng áp dụng KNM của sinh viên vào thực tế
(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2017)

kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng học và tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo và phê phán, kỹ năng quản lý tài chính. Hiện nay, với phương pháp giảng dạy “lấy người học làm trung tâm” đòi hỏi người thầy phải đầu tư, xây dựng và tổ chức lớp học kết hợp với các phương pháp dạy học hiện đại nhằm phát triển các kỹ năng cho người học. Dạy học theo hướng tiếp cận nội dung dần được thay thế và phát triển bởi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực. Các phương pháp dạy học được sử dụng gồm: nêu vấn đề, xử lý tình huống, tự học, làm việc nhóm... vai trò của người học trở thành trung tâm trong mọi hoạt động dạy và học. Phương pháp này đã

và đang được áp dụng một cách có hiệu quả góp phần rèn luyện và hình thành kỹ năng cho sinh viên ngày một tốt hơn.

Bên cạnh đó, một số KNM của sinh viên vẫn còn hạn chế: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột. Đặc biệt, cả giảng viên và sinh viên đều đánh giá rất thấp đối với kỹ năng giao tiếp. Giao tiếp được xem là một trong những KNM vô cùng quan trọng, hoạt động giao tiếp diễn ra liên tục mọi lúc, mọi nơi. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả được xem là yếu tố then chốt đối với sự phát triển toàn diện của một

Bảng 1. Thang điểm đánh giá của sinh viên và giảng viên về năng lực một số KNM

TT	Kĩ năng	ĐTB tự đánh giá của sinh viên	ĐTB đánh giá của giảng viên
1	Kĩ năng giao tiếp	3,56	3,23
2	Kĩ năng làm việc nhóm	3,80	3,48
3	Kĩ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	3,63	3,27
4	Kĩ năng học và tự học	3,82	3,44
5	Kĩ năng quản lí bản thân	3,80	3,32
6	Kĩ năng quản lí thời gian và tổ chức công việc	3,80	3,35
7	Kĩ năng thuyết trình	3,80	3,59
8	Kĩ năng đàm phán và giải quyết xung đột	3,80	3,23
9	Kĩ năng tư duy sáng tạo và phê phán	3,80	3,41
10	Kĩ năng quản lí tài chính	3,89	3,44
Điểm trung bình đánh giá chung		3,76	3,376
Thang đánh giá: 1 - Yếu 2 – Kém 3 - Trung bình 4 – Khá 5 - Tốt			

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2017)

người, dù là trong công việc hay các mối quan hệ riêng tư. Vì vậy, nghệ thuật giao tiếp - hiểu người và làm cho người khác hiểu mình là một trong những kĩ năng quan trọng cần phải rèn luyện để thực sự thành công. Rõ ràng, kết quả khảo sát đã phản ánh đúng thực tế về năng lực KNM của sinh viên ngành Quản trị Văn phòng tại Khoa Quản lý Nhà nước, Quản trị Văn phòng và Du lịch.

Tất cả sinh viên đều nhận thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của KNM đối với ngành học của bản thân. Hầu hết các kĩ năng đều được sinh viên đánh giá cao về mức độ cần thiết với tỉ lệ đạt trên 50%. Trong đó, nhóm kĩ năng được sinh viên quan tâm nhất là: kĩ năng giao tiếp, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kĩ năng đàm phán và giải quyết xung đột, kĩ năng quản lí thời gian và tổ chức công việc. Tuy nhiên, nếu so sánh kết quả giữa Bảng 1 và Hình 3, ta thấy ý thức về sự cần thiết của KNM với năng lực thực tế của SV có sự khác biệt. Điển hình hơn cả, kĩ năng giao tiếp đứng đầu với tỉ lệ 98,6% về tầm quan trọng nhưng lại bị đánh giá thấp nhất về phân loại năng lực thực tế với mức điểm trung bình thấp nhất. Đây là vấn đề cần quan tâm xem xét và ưu tiên giải quyết, khi mà kĩ năng giao

tiếp hiện nay của sinh viên tại Khoa đang tồn tại nhiều yếu tố bất cập. Có thể nói, giao tiếp tốt là nền tảng để phát triển các kĩ năng khác tốt hơn. Từ lời nói, hành động đến thói quen dần hình thành nên tính cách của một con người. Và hiển nhiên, môi trường giáo dục đóng góp một phần không nhỏ ảnh hưởng đến việc rèn luyện và trau dồi nhân cách của người học, ảnh hưởng đến văn hóa giao tiếp trong học đường nói riêng cũng như văn hóa giao tiếp, ứng xử trong xã hội hiện nay.

D. Đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện KNM

Nhận thức, ý thức của sinh viên và chương trình đào tạo được đánh giá là hai nhân tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc rèn luyện KNM đối với sinh viên ngành Quản trị Văn phòng tại Khoa. Tiếp đến là các nhân tố liên quan đến đội ngũ giảng viên, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, cơ chế đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

Hình 3: Các KNM cần thiết đối với sinh viên ngành Quản trị Văn phòng
(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2017)

Hình 4: Mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến KNM
(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2017)

IV. CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KNM THEO HƯỚNG TIẾP CẬN CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

A. Xây dựng chương trình đào tạo các ngành học đảm bảo yêu cầu về chuẩn đầu ra đối với KNM

Giáo dục KNM cho sinh viên đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thông qua Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010, trong đó, KNM được xác định là một trong những nội dung quan trọng trong chuẩn đầu ra của một ngành học. Khi xây dựng khung chương trình, chúng ta cần tập trung thời lượng cho nội dung thực hành và tăng tính thực tế tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều cơ hội, điều kiện áp dụng các kỹ năng vào thực tế. Thiết kế môn học riêng biệt đối với các KNM cần thiết phù hợp cho sinh

viên từng ngành học. Cụ thể, theo kết quả khảo sát ở Hình 3 cho thấy sinh viên ngành Quản trị Văn phòng cần ưu tiên trang bị các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định. Xác định cụ thể từng KNM dành cho sinh viên từng ngành học sẽ giúp ích cho sinh viên nhận thức rõ ràng hơn khi bắt đầu trau dồi và tích lũy những kỹ năng cần thiết nhất cho bản thân.

B. Lồng ghép giảng dạy KNM vào các học phần chuyên ngành

Căn cứ vào yêu cầu chuẩn đầu ra đối với ngành đào tạo Quản trị Văn phòng, giảng viên phụ trách giảng dạy học phần chuyên ngành sẽ xác định những KNM tương ứng đối với nội dung bài học

được thiết kế trên lớp. Tương ứng với từng nội dung kiến thức của bài học, giảng viên nêu rõ mục tiêu kiến thức kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm mà sinh viên cần rèn luyện qua bài học đó; đồng thời, giảng viên sẽ thiết kế các hoạt động để sinh viên thực hành rèn luyện các KNM thông qua việc phối hợp các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp. Qua đó, sinh viên được thực hành các KNM liên quan và cần thiết đối với chuyên ngành đang học. Sinh viên sẽ nhận ra những KNM nào hỗ trợ tốt nhất cho công việc trong tương lai từ đó, sinh viên dễ dàng hình thành nên tri thức và tri thức được áp dụng vào thực tế dần dần hình thành những kỹ năng quan trọng và cần thiết nhất cho sinh viên.

C. Kết hợp hình thức dạy học trực tiếp và trực tuyến

Hiện nay, tại Trường Đại học Trà Vinh, KNM được quy định là môn học điều kiện và sinh viên phải hoàn thành 05 KNM (02 kỹ năng bắt buộc gồm: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu và ghi nhớ tài liệu; 03 kỹ năng tự chọn trong số các kỹ năng gồm: kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy phê phán, kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng quản lý stress và quản lý tài chính cá nhân, kỹ năng quản lý sự thay đổi, kỹ năng giao tiếp, hoạt động công tác xã hội). Mỗi lớp kỹ năng được thiết kế với thời lượng 02 buổi học trên lớp (03 tiết học lý thuyết, 06 tiết học thực hành). Với thời lượng này, giảng viên chỉ có thể thiết kế bài giảng đơn giản và truyền tải những nội dung, kiến thức liên quan đến kỹ năng theo hướng bó hẹp của bài giảng trên lớp. Vấn đề đặt ra, làm thế nào để sinh viên có thể nhớ rõ các nội dung đã học? Nguồn học liệu, địa chỉ tin cậy nào có thể giúp sinh viên tự rèn luyện kỹ năng của bản thân? Ngoài khoảng thời gian trên lớp, liệu sinh viên có thể tương tác với giảng viên, sinh viên khác không? Giảng viên có thể quản lý và đánh giá mức độ tham gia của sinh viên như thế nào? Những vấn đề tồn tại này sẽ khó được giải quyết nếu chỉ áp dụng theo lối học truyền thống. Chúng ta cần đổi mới hình thức giảng dạy theo

hướng kết hợp cả hai phương thức giáo dục trực tiếp và trực tuyến E-learning. Cụ thể như sau:

Bước 1: Nhà trường cần xây dựng tiêu chí và tuyển chọn các giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tham gia giảng dạy KNM.

Bước 2: Giảng viên sẽ được hướng dẫn về cách thiết kế và quản lý lớp học thông qua khóa tập huấn “Thiết kế khóa học E-learning đối với các lớp KNM”. Giảng viên sẽ được cung cấp một tài khoản trên hệ thống phần mềm quản lý lớp học trực tuyến.

Bước 3: Lồng ghép các lớp tập huấn về thiết kế bài giảng điện tử bằng các phần mềm ứng dụng như: Adobe Presenter, Ispring, Articulate Presenter, MS Producer... nhằm ghi hình lại quá trình thuyết giảng đối với 01 kỹ năng và cung cấp đến sinh viên. Yêu cầu sinh viên phải tự học lý thuyết qua đoạn phim này thông qua trang trực tuyến, thời gian đến lớp sẽ phục vụ cho các hoạt động thảo luận, chia sẻ, đóng vai, tình huống, đánh giá, phản biện, thực tế...

Bước 4: Giảng viên sẽ thiết kế hoàn chỉnh các module tương ứng với từng nội dung KNM do mình phụ trách gồm: bài giảng điện tử, bài tập, nguồn học liệu, các bài đánh giá quá trình, bài tập thêm, các hoạt động khác...

Bước 5: Chia sẻ tài khoản lớp học KNM mềm trực tuyến đến sinh viên.

Bước 6: Quá trình tương tác giữa giảng viên và sinh viên thông qua các hoạt động trao đổi trực tuyến và trực tiếp. Nghĩa là quá trình học không kết thúc trong 02 buổi học trên lớp mà quá trình tương tác sẽ được tiếp diễn giữa thầy và trò với các diễn đàn tương tác online được thiết lập sẵn.

Như vậy, chỉ với một thiết bị thông minh được kết nối internet, người học có thể học mọi lúc, mọi nơi; người dạy có thể giảng, hỏi đáp, kiểm tra và chấm điểm một cách tự động, nhanh chóng cho người học.

D. Phát triển đội ngũ giảng viên phù hợp thời đại công nghệ

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi sâu sắc và có ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, lĩnh vực giáo dục có nhiều chuyển biến khá rõ nét, đặc biệt là vai trò của người thầy. Ngày xưa, thầy giáo đóng vai trò

là người khai sáng, mở mang kiến thức. Khi sách vở trở nên phổ biến, nguồn tài liệu phong phú, lúc này người thầy giữ vai trò định hướng, giúp người học trau dồi nguồn thông tin, tư liệu tin cậy. Bước sang thời kì công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông phát triển, internet kết nối vạn vật, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi rõ rệt vai trò của người thầy. Người thầy không còn giữ vai trò kiểm chứng tri thức vì nguồn tri thức nhân loại là vô tận mà dần chuyển sang định hướng nhân cách cho người học, giúp người học thành thạo những phương pháp kiểm chứng tri thức trên internet; chuyển từ chỗ thuyết giáo sang vai trò giáo dưỡng hành vi và phát triển nhân cách năng lực của người học một cách toàn diện nhất. Vì vậy, việc phát triển đội ngũ giảng viên vừa có năng lực chuyên môn vừa có kĩ năng giảng dạy cho sinh viên là nhân tố quan trọng góp phần tạo hứng thú cho người học, cũng như rèn luyện KNM cho sinh viên.

- Đối với giảng viên đã và đang giảng dạy các lớp học KNM, Nhà trường cần tạo điều kiện để giảng viên theo học các khóa đào tạo, tập huấn về KNM tạo tiền đề để áp dụng vào công tác giảng dạy giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận rèn luyện KNM có hiệu quả và đúng cách.

- Giảng viên phải thuận thực trong việc sử dụng bài giảng trực tuyến để lôi cuốn, tạo sự hứng thú và hấp dẫn cho người học. Đồng nghĩa, giảng viên phải được trau dồi, nâng cao kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác dạy học.

- Nhiệm vụ của người thầy không chỉ đào tạo để người học có được tầm bằng mà song song đó, chất lượng nguồn nhân lực phải đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Điều này, yêu cầu người thầy phải thường xuyên tiếp cận thực tế, tìm tòi, cập nhật kiến thức liên tục.

E. Xây dựng môi trường học tập KNM mở rộng

Hoạt động giáo dục theo hướng tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi nhà trường cần phải:

- Đầu tư cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị học tập hiện đại; xây dựng các phòng học thực hành hiện đại, mô phỏng thực tế ảo...

- Ứng dụng các phần mềm tiên tiến vào công tác quản lí, giảng dạy.

- Đẩy mạnh các hoạt động trong các câu lạc bộ, Đoàn, hội tại Trường, Khoa góp phần giúp sinh viên học hỏi, rèn luyện thêm nhiều kiến thức lẫn KNM. Tổ chức thêm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên có tích hợp nội dung phát triển KNM.

- Tổ chức cho sinh viên đi thực tập, trải nghiệm lao động nghề nghiệp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tăng cường tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm rèn luyện KNM cho sinh viên.

- Tổ chức các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn về KNM từ các chuyên gia giảng dạy KNM.

- Tổ chức câu lạc bộ liên quan đến KNM của sinh viên. Đây là nơi để sinh viên rèn luyện cũng như có định hướng tốt trong việc rèn luyện KNM cho bản thân.

- Tạo điều kiện để sinh viên đi thực tế hoặc có những buổi giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp giúp sinh viên nhận ra tầm quan trọng của KNM trong môi trường làm việc sau này từ đó chủ động rèn luyện KNM của bản thân.

V. KẾT LUẬN

Tìm hiểu thực trạng KNM của sinh viên thuộc Khoa Quản lý Nhà nước, Quản trị Văn phòng và Du lịch, Trường Đại học Trà Vinh. Qua quá trình phân tích tài liệu, khảo sát thực tế và kinh nghiệm giảng dạy thực tiễn, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Năng lực KNM của sinh viên thuộc Khoa Quản lý Nhà nước, Quản trị Văn phòng và Du lịch chỉ đạt trên mức trung bình. Đa phần sinh viên đã áp dụng KNM vào thực tế nhưng rất ít trong số đó đạt được hiệu quả như mong muốn. Điều này cho thấy sinh viên còn yếu về khả năng thực hành KNM, chưa áp dụng được vào thực tế, còn rập khuôn lí thuyết.

- Sinh viên chưa đánh giá đúng và có xu hướng tự đề cao năng lực KNM của bản thân khi so sánh với kết quả đánh giá của giảng viên. Do tiêu chí đánh giá về KNM của sinh viên còn thấp, còn thiếu kiến thức về KNM, chưa có cái nhìn cụ thể

về KNM, chỉ đánh giá dựa trên cảm nhận khách quan của bản thân.

- Sinh viên đã quan tâm và nhận thức được tầm quan trọng của KNM trong thực tế học tập, công việc cũng như cuộc sống nhưng còn thiếu chủ động trong việc rèn luyện KNM.

- Xác định và đánh giá được tầm quan trọng cũng như nguyên nhân ảnh hưởng đến KNM như nhận thức và ý thức của sinh viên; giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy; chương trình đào tạo; đội ngũ giảng viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị; cơ chế đào tạo của nhà trường.

- Đa phần sinh viên mong muốn có thêm nhiều hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên cọ xát thực tế, tạo điều kiện thực hành KNM.

- Hoạt động giảng dạy KNM theo hướng tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ là một mô hình giáo dục thông minh, hiện đại; giúp hoạt động dạy và học diễn ra mọi lúc, mọi nơi; giúp thay đổi tư duy và cách tiếp cận về quá trình dạy học đại học. Trường học không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới sáng tạo, giải quyết các vấn đề thực tiễn, mang lại giá trị mới cho xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Huỳnh Văn Sơn. Thực trạng một số kỹ năng mềm của sinh viên Đại học Sư phạm. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. 2012; 39:22.
- [2] Quyết định số 564/QĐ-ĐHTV ngày 08 tháng 4 năm 2013 của hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc qui định KNM là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo từ khóa 2012.
- [3] Lê Thị Hoài Lan. Phát triển Kỹ năng mềm cho sinh viên Khoa Kinh tế Trường Đại học Đồng Nai theo tiếp cận chuẩn đầu ra. *Tạp chí khoa học Đại học Đồng Nai*. 2017; 06:80.
- [4] Michal Pollick. *Soft skills for Bussiness man*. Boston, American. 2008.
- [5] Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa. *Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. 2010.
- [6] Đinh Đức Anh. *Hội thảo thích ứng công tác đào tạo của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*. 2017.
- [7] Chung Thị Vân Anh. *Cách mạng công nghiệp 4.0 với giáo dục đại học nói chung và Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng*. 2017; Truy cập từ: <http://bv.u.edu.vn/-/cach-mang-cong-nghiep-4-0-voi-giao-duc-ai-hoc-noi-chung-va-ai-hoc-ba-ria-vung-tau-noi-rieng> [Ngày truy cập: 07/9/2018].

- [8] Nguyễn Thanh Hà và cộng sự. *Nhu cầu nhân lực cho phát triển trong kỷ nguyên Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ giáo dục Việt Nam*. Nhà Xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. 2018.